

Số: /GCN-SXD(GĐCL)

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2024

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng Hà Nội trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ của Công ty Cổ phần Tổng công ty công trình đường sắt; Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 29/03/2024; văn bản số 68/2024/CV-LASXD144 ngày 02/4/2024 và văn bản số 280/BC-CTĐS-TCHC ngày 25/4/2024 của Công ty Cổ phần Tổng công ty công trình đường sắt về việc bổ sung hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; biên bản kiểm tra nội dung khắc phục ngày 15/4/2024 và ngày 05/5/2024 giữa các thành viên đoàn đánh giá và tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Tổng công ty công trình đường sắt.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số: 3300101075, đăng ký lần đầu ngày 25/5/2005; Đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 28/02/2023 do Phòng Đăng kinh doanh - Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Hà Nội cấp.

Mã số thuế: 3300101075

Địa chỉ: Toà nhà số 33, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.3514.5715

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm LAS-XD144.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Toà nhà số 33, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 24.040.**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Tổng công ty
công trình đường sắt;
- Bộ Xây dựng; | (để b/c)
- Đ/c Giám đốc Sở XD; |
- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ SXD;
- Lưu: VT, GDCL(H.N. Duy, 05b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thế Công

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.040**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số /GCN-SXD(GĐCL) ngày tháng 5 năm 2024)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA XI MĂNG	
1	Độ mịn và khối lượng riêng	TCVN13605-23; ASTM C184, ASTM C188, AASHTO T128,
2	Độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017 :2015; ASTM C187
3	Cường độ uốn và cường độ nén	TCVN 6016 : 2011; ASTM C109
II	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BÊ TÔNG XI MĂNG	
4	Độ sụt của hỗn hợp bê tông xi măng	TCVN 3106 :2022; ASTM C143, AASHTO T119,
5	Khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 :2022; ASTM C138,
6	Khối lượng riêng	TCVN 3112 :2022; ASTM C127, C128
7	Độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C29
8	Khối lượng thể tích	TCVN 3115 :2022
9	Cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39, AASHTO T22,
10	Cường độ chịu uốn	TCVN 3119:2022
11	Phân tích thành phần bê tông	TCVN 3110:1993
12	Hàm lượng khí trong hỗn hợp bê tông	ASTM C138, AASHTO T121,
13	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022
14	Phương pháp xác định độ tách vữa và tách nước của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022
III	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
15	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136; AASHTO T27
16	Khối lượng riêng	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127; C128 AASHTO T84
17	Khối lượng riêng, khối lượng TT, độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127; C128 AASHTO T85
18	Xác định khối lượng thể tích xốp, độ xốp	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29 AASHTO T19
19	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C70

		AASHTO T142
20	Hàm lượng chung bụi, bùn, sét	TCVN 7572-8:2006; ASTM C142 AASHTO T112
21	Cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D2938
22	Độ nén đập của đá dăm (sỏi) trong xilanh	TCVN 7572-11:2006; BS 812-105
23	Độ hao mòn khi va đập Los Angeles	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791 AASHTO T96
24	Hàm lượng thoi dẹt cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791 BS812-105
25	Hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006
26	Hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
27	Hệ số đương lượng cát ES	AASHTO T176, ASTM D2419
28	Tạp chất hữu cơ bằng PP so màu	TCVN 7572-9:2006 ASTM C40, AASHTO T21,
29	Hàm lượng lọt sàng 0.075mm	AASHTO T11
IV	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA HỖN HỢP VỮA VÀ VỮA XÂY DỰNG	
30	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3 : 2022; ASTM C230,
31	Khối lượng riêng, thể tích của hỗn hợp vữa	TCVN 3121-6 : 2022
32	Cường độ uốn, nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11 : 2022 ASTM C109
33	Độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18 : 2022
34	Xác định độ chảy của vữa tươi	ASTM C939
V	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA ĐẤT XÂY DỰNG	
35	Thành phần hạt (phương pháp sàng, PP tỷ trọng kế)	TCVN 4198:2014; ASTM D442; AASHTO T88
36	Giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TCVN 4197:2012; ASTM D4318; AASHTO T89, T90
37	Khối lượng riêng	TCVN 4195:2012; ASTM D854; AASHTO T100
38	Khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012; ASTM D4914
39	Độ ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216
40	Thí nghiệm đầm nén	22 TCN 333- 06; TCVN 4201:2012; ASTM D1557; D698; AASHTO T99, T180
41	Sức chịu tải CBR trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332 : 06 ASTM D1883; AASHTO T193 TCVN12792:20

VI	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY DỰNG	
42	Xác định độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
43	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
44	Độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
45	Khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
VII	THÍ NGHIỆM BENTONITE	
46	Khối lượng riêng	TCVN 11893:2017; ASTM D4380
47	Độ nhớt	TCVN 11893:2017; ASTM D6910
48	Hàm lượng cát	TCVN 11893:2017; ASTM D4381
49	Độ PH	TCVN 11893:2017; ASTM D4972
50	Độ dày áo sét; Lượng mất nước	TCVN 11893:2017; TCVN 9395:2012
51	Tỷ lệ chất keo	TCVN 11893:2017; TCVN 9395:2012
52	Lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017; TCVN 9395:2012
VIII	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA KIM LOẠI VÀ MỐI HÀN KIM LOẠI	
53	Kim loại - phương pháp thử kéo dọc	TCVN 197:2014; ASTM A370
54	Kim loại - phương pháp thử uốn	TCVN 198 : 2008; ASTM A370
55	Mối hàn - Phương pháp thử uốn	TCVN 5401:2010
56	Mối hàn - Phương pháp thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
57	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm	TCVN6735:2018 TCVN1548:1987 BS3923-1:86 JIS Z3060:2004
IX	THÍ NGHIỆM SỨC CHỊU TẢI CỦA TÀ VỆT BÊ TÔNG CỐT THÉP	
58	Xác định cường độ chịu uốn của TVBT	22TCN 351: 2006; EN13230
59	Xác định kích thước tà vẹt	TCVN13566-1:2022
X	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
60	Khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu (xác định bằng phương pháp rót cát)	22 TCN 346 - 06; ASTM D1556, AASHTO T191 TCVN8729-12
61	Khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu (xác định bằng phương pháp dao đại)	22 TCN 02 – 71; ASTM D2937, AASHTO T204 TCVN8729-12
62	Độ bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
63	Độ nhám của mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
64	Xác định môđun đàn hồi bằng Benkenman	TCVN 8867:2011; ASTM D4729
65	Phương pháp xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012

66	Phương pháp xung siêu âm xác định tính đồng nhất của bê tông cọc khoan nhồi	TCVN 9396:2012; ASTM D6760:08
----	---	----------------------------------

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.